

	HCMUS ID	AUT ID	Family Name	First name
1	1059002	1283027	DANG VIET	ANH
2	1059003	1283026	NGUYEN KHANH	BANG
3	1059004	1283021	NGO HAI	CHAU
4	1059035	1284222	DO TIEN BACH	DANG
5	1059007	1283016	NGUYEN HUU LE	DUNG
6	1059037	1283028	HA HUU	HAI
7	1059040	1283030	NGUYEN MINH	HOANG
8	1059045	1283031	TRAN DANG	KHOA
9	1059044	1284618	THAI NGUYEN DANG	KHOA
10	1059009	1283032	QUAN VU MINH	KHOI
11	1059010	1283035	TRAN TRUNG	KIEN
12	1059012	1283037	NGUYEN PHUONG	LINH
13	1059013	1283059	NGUYEN THE	LOC
14	1059014	1283061	NGUYEN VU	LOC
15	1059046	1285534	NGUYEN THANH	LUAN
16	1059048	1283064	DOAN THIEN HOA	NGHIEM
17	1059016	1283067	CHAU TRAN	NHAN
18	1059049	1283223	NGUYEN DUC HOANG	NHAT
19	1059017	1283225	TRUONG NGOC	NHUNG
20	1059050	1283226	NGUYEN HUYNH TAN	PHAT
21	1059051	1283229	LY CHAN	PHONG
22	1059052	1284624	LE HUU	PHUOC
23	1059020	1283233	DANG HONG NGUYEN	PHUONG
24	1059021	1284928	NGUYEN HUYNH NHAT	QUAN
25	1059053	1283234	TRAN MINH	QUY
26	1059054	1283235	LE QUOC	SI
27	1059023	1283238	NGUYEN THAI	SON
28	1059025	1283636	VO TRAN NGOC	TAN
29	1059026	1283641	BUI THIEN	THACH
30	1059027	1283645	NGUYEN VAN	THAI
31	1059055	1283647	TRAN LAM	THAI
32	1059056	1283678	NGUYEN HOANG	THANG
33	1059057	1284626	MAI KIM	THANH
34	1059059	1283681	DUONG HONG	THINH
35	1059060	1283695	NGUYEN HOANG LOC	THO
36	1059061	1284630	NGUYEN VIET	TIEN
37	1059063	1283700	NGUYEN MINH	TOAN